KẾT QUẢ ĐO TIỀM NĂNG SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI QUA TRẮC NGHIỆM NGÔN NGỮ CỦA K.J SCHOPPE

Results that the Creative Potential by Students of Hanoi University of Agriculture Through the Language of the Test Schoppe. KJ

Đặng Thị Vân

Khoa Sư phạm và Ngoại ngữ, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
Địa chỉ email tác giả liên lạc: *vanspkt@gmail.com*

TÓM TẮT

Xác định chỉ số sáng tạo (Creative Quotient - CQ) của sinh viên rất có ý nghĩa đối với giảng viên trong việc lựa chọn nội dung, phương pháp phù hợp qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, hình thành cho sinh viên - chuyên gia tương lai - những phẩm chất và năng lực thiết yếu, trong đó có năng lực sáng tạo. 460 sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội được đo chỉ số CQ qua trắc nghiệm sáng tạo của KJ. Shoppe. Kết quả thực đo cho thấy, phần lớn sinh viên có chỉ số CQ ở mức trung bình và ở mức trên trung bình chiếm tỷ lệ % không đáng kể. Chỉ số CQ ở mức dưới trung bình chiếm tỷ lệ đáng kể (hơn 1/5 sinh viên). Chúng tôi thiết nghĩ cần cải tiến và áp dụng các phương pháp dạy học tích cực một cách phù hợp sẽ góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo của sinh viên.

Từ khóa: Chỉ số sáng tạo, phương pháp dạy học tích cực, sáng tạo, tiềm năng sáng tạo.

SUMMARY

Defining Creative Quotient- CQ of students are necessary to choose suitable content, appropriate teaching method, which contributes to improve training quality and forming necessary capacity including creative quotient for students. Four hundred sixty students of Hanoi University of Agriculture were measured CQ by KJ. Shoope's creative test. The results showed that majority of students has medium CQ and students whose CQ above medium has accounted for low ratio. The rate of students with under-medium CQ has occupied considerably (over one fifth). Thereforce improving and adopting the active leaning method will contribute for developing creative potential of students.

Keywords: Active teaching methods, creativity, creative quotient, creative potential.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động của con người luôn hướng tới chất lượng tốt, hiệu quả cao. Trong thời kỳ đổi mới của xã hội, vấn đề đưa ra những ý tưởng mới, những giải pháp, biện pháp, cách thức cũng như các quy trình công nghệ mới, tiên tiến nhằm mục đích rút ngắn thời gian, tiết kiệm sức lao động, chi phí đang là xu thế mạnh mẽ trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, trong đó có các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội cũng như yêu cầu của nghề nghiệp trong giai đoạn hiện nay, sinh viên nói chung, sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội (ĐHNN HN) nói riêng phải có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, kỹ năng sống và đặc biệt là tính sáng tạo trong học tập, trong nghiên cứu khoa học, trong hoạt động rèn nghề cũng như công tác của họ sau khi tốt nghiệp đại học. Song thực tế sinh viên trường ĐHNN HN có tiềm năng sáng tạo (chỉ số sáng tạo - Creative Quotient -CQ) ở mức nào sẽ được đề cập đến trong bài viết này. Sinh viên học tập một cách chủ động, sáng tạo không chỉ nhằm mục đích nâng cao kết quả học tập mà còn hình thành ở họ những phẩm chất của người chuyên gia tương lai. Chính sinh viên là đội ngũ cán bộ kế tục, với năng lực nghề nghiệp của họ, đặc biệt là sức sáng tạo sẽ góp phần không nhỏ cho sự phát triển ngành nghề xã hội nói chung, từng chuyên môn nói riêng.

Một trong số bộ trắc nghiệm đo tiềm năng sáng tạo được sử dụng nhiều trên thế giới cũng như ở Việt Nam đó là bộ trắc nghiệm VKT (Verbaler Kreative Test) của K.J.Schoppe (người Đức), được Việt hóa bởi Nguyễn Huy Tú. Đây là bộ test đo tiềm năng sáng tạo của khách thể là những người từ 15 tuổi trở lên (được coi là đã có năng lực ngôn ngữ phát triển đầy đủ). VKT là một trong 5 bộ test sáng tạo được các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực này khuyên dùng ở Cộng hòa Liên bang Đức hiện nay. Ở Việt Nam, có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ từ năm 1999 đến nay đã sử dụng trắc nghiệm này để đánh giá hiện trạng trí sáng tạo của các nghiệm thể. Trương Bích Hà (1999) sử dụng bộ trắc nghiệm này trong luận án tiến sĩ với nội dung nghiên cứu chính là ý tưởng sáng tạo của sinh viên Khoa diễn viên Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Việt Nam. Đề tài khoa học cấp trường của Nguyễn Kim Quý (2002) đo tiềm năng sáng tạo của sinh viên các lớp chất lượng cao Khoa Ngữ văn Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Nguyễn Huy Tú (2006) thực hiện đề tài cấp bộ, mã số B2005-75-123 nhằm đánh giá hiện trạng mức độ tính sáng tạo của sinh viên sư phạm. Thực chất test VKT là một bộ test đo tiềm năng sáng tạo nói chung, chứ không phải chỉ dùng để đo trí sáng tạo trong hoạt động ngôn ngữ, test phù hợp cho việc đo đạc tiềm năng sáng tạo của các nghiệm thể trong độ tuổi nói trên.

Kết quả đo tiềm năng sáng tạo của sinh viên rất có ý nghĩa trong công tác giảng dạy, giúp cho giảng viên lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, hướng dẫn sinh viên học tập một cách phù hợp nhằm khơi dậy và phát huy hơn nữa tiềm năng sáng tạo của các em.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp trắc nghiệm. 460 sinh viên bao gồm: Khoa Nông học (155 sinh viên), Khoa Thú y (156 sinh viên), Khoa Tài nguyên - Môi trường (149 sinh viên). Căn cứ vào kết quả thực đo (điểm thô) của các nghiệm thể sau đó so với bảng giá trị chung về CQ của trắc nghiệm, từ đó phân loại mức độ sáng tạo cho từng sinh viên và so sánh giữa các khoa, giới, nơi sinh,... của khách thể trong diện nghiên cứu.

2.1. Giới thiệu về trắc nghiệm

Trắc nghiệm VKT gồm 09 tiểu test (item) với vật liệu là ngôn ngữ. Qua trắc nghiệm này có thể đánh giá được tiềm năng sáng tạo của nghiệm thể thông qua việc sử dụng ngôn ngữ của họ. 09 item bao gồm: Vĩ từ (VT), đầu từ (ĐT), câu bốn từ (CBT), tìm đặt tên (TĐT), tính chất giống nhau (GN), tính tương tự (TT), cách sử dụng không quen thuộc (SDL), tình huống không tưởng (KT) và tìm tên nhạo đùa (TĐN).

Tổng thời gian làm test là 36 phút (phân bổ từng tiểu test như sau: VT: 3 phút, ĐT: 3 phút, CBT: 4 phút, TĐT: 5 phút, GN: 3 phút, TT: 2 phút, SDL: 4 phút, KT: 8 phút và TĐN: 4 phút).

Về mặt kỹ thuật, test VKT chính là một hệ thống câu hỏi hay bài tập có khả năng kích thích sáng tạo của nghiệm thể. ở mỗi tiểu test không được đưa ra dưới dạng nghiệm thể chọn lời giải theo kiểu đúng sai, hay chọn một trong các đáp án đã có như các test trí tuệ truyền thống, mà đòi hỏi nghiệm thể đưa ra càng nhiều ý tưởng giải pháp càng độc đáo, hiếm lạ, gây ngạc nhiên cho người khác càng tốt. Như vậy, test VKT có đặc điểm của một test sáng tạo như:

- Các mệnh đề của test VKT có hiệu quả gây ngạc nhiên cho nghiệm thể, nhưng người hướng dẫn làm test không để cho nghiệm thể nhận ra trước về điều ngạc nhiên ấy.

- Thời gian của test tương đối ngắn, sao cho giây phút lóe sáng của trí tuệ do kích thích của sự ngạc nhiên đủ để nghiệm thể đề xuất được nhiều giải pháp mới, hiếm lạ, độc đáo và ghi lại nhanh chóng, đúng vào thứ tự trong phần quy định bài làm.

2.2. Cách thực hiện và đánh giá kết quả trắc nghiệm

+ Trắc nghiệm được tiến hành theo đúng hướng dẫn chung của test.

+ Cách xử lý kết quả làm test:

Tính điểm thô (mỗi đáp án đạt yêu cầu được 1 điểm) cho từng tiểu test và tổng gộp các test theo quy định VT + ĐT = I, CBT + TĐN = II, GN + TT = III, SDL = IV, KT = V, TĐN = VI và tra bảng giá trị chung (GTC) của test, cộng tổng giá trị các item đã cộng gộp chia 6 sẽ tìm ra chỉ số sáng tạo CQ của nghiệm thể, qua đó tra bảng quy định về mức độ sáng tạo để đánh giá xem họ đạt ở mức sáng tạo nào trong các mức dưới đây:

Mức cao:	126-130
Mức khá:	111-125
Mức trung bình:	91-110
Mức thấp:	76-90
Mức kém:	70-75

Số liệu của bài trắc nghiệm được xử lý bằng chương trình phần mềm thống kê SPSS trong môi trường Window, phiên bản 13.0.

3. KẾT QUẢ ĐO TIỀM NĂNG SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN THEO TRẮC NGHIỆM VKT CỦA SCHOPPE

3.1. Kết quả đo tiềm năng sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Sau khi xử lý kết quả tiến hành bài trắc nghiệm, có thể rút ra kết luận bước đầu về tiềm năng sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Phần lớn sinh viên có điểm CQ ở mức trung bình chiếm tỷ lệ 71,7%. Hơn 1/5 số sinh viên có điểm CQ ở mức dưới trung bình với tỷ lệ là 23,9%. Số sinh viên có điểm CQ ở mức trên trung bình chiếm tỷ lệ nhỏ là 4,1%. Không có sinh viên nào có điểm số CQ ở mức cao và tỷ lệ rất nhỏ có điểm CQ ở mức thấp là 0,2% (Hình 1).

Kết quả trong nghiên cứu này khá tương đồng so với mặt bằng tiềm năng sáng tạo của người Việt Nam (Bảng 1).

Qua thống kê cho thấy, điểm CQ trung bình (theo điểm chuẩn) của 460 mẫu điều tra đạt số điểm là 96 (nằm trong giới hạn 91-110) tương ứng với điểm CQ đạt ở mức trung bình.

Kết quả thực đo về điểm CQ so với tự đánh giá của sinh viên cũng phản ánh sự tương đồng. Phần lớn sinh viên tự đánh giá họ có chỉ số sáng tạo ở mức trung bình (58,1%), 32,3% sinh viên tự đánh giá ở mức khá (trên trung bình).

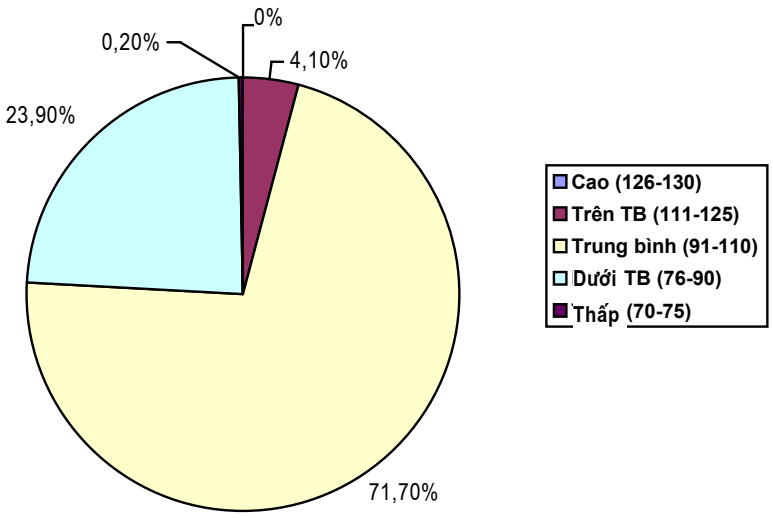

Hình 1. Phân loại điểm CQ (điểm chuẩn) biểu thị mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Bảng 1. Mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội và của người Việt Nam nói chung

Nghiệm thể	Thời điểm nghiên cứu	Người thực hiện	Mẫu khảo sát	Số % mẫu mẫu có CQ dưới TB và thấp	Số % mẫu có CQ từ trung bình đến khá	Số % mẫu có CQ ở mức độ cao
SV ĐHNN HN	2008	Đặng Thị Vân	460	24,1%	75,8%	0%
Trẻ mẫu giáo, HS TH,THCS, THPT và SV	1998 - 2005	Các tác giả	4971	27,07%	72,35%	0,58%

Kết quả tự đánh giá ở mức này cao hơn kết quả thực đo bằng trắc nghiệm (chỉ đạt 23,9%). Đặc biệt có 8,5% tự đánh giá ở mức thấp thì thực đo chỉ có 0,2% đạt ở mức không mong muốn này và 1,1% đánh giá cao về chỉ số sáng tạo của bản thân, nhưng thực đo lại không xuất hiện ở một sinh viên nào. Đơn cử, sinh viên có mã số 368 tự đánh giá mình có chỉ số sáng tạo ở mức cao, kết quả thực đo chỉ đạt ở mức trung bình nhưng điểm số nghiêng về mức khá, điểm CQ trung bình đạt 107,7 trong khi đó CQ ở mức khá có điểm số từ 111 - 125. Có thể sinh viên này có tiềm năng sáng tạo (điểm thi đại học đạt 23,5 điểm, điểm trung bình học tập ở đại học xếp học lực giỏi) nhưng do việc tiếp cận những bài tập sáng tạo không thường xuyên, kinh nghiệm để làm tốt các bài tập dạng đó chưa nhiều nên ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả làm trắc nghiệm (?) Nên sinh viên đánh giá họ có sáng tạo ở mức cao là hoàn toàn có cơ sở.

Sinh viên có mã 290 tự đánh giá sáng tạo của bản thân chỉ ở mức thấp, kết quả thực đo đạt ở mức dưới trung bình (điểm CQ trung bình 88,8), kết quả thi đại học đạt 15,5 và học lực ở đại học đạt ở mức khá.

Trường hợp có điểm CQ ở mức thấp qua kết quả thực đo rơi vào sinh viên có mã số 207 của lớp Môi trường A khóa 52, sinh viên này tự đánh giá sáng tạo ở mức khá, có điểm thi đại học 19,5; kết quả học lực ở đại học xếp loại trên trung bình. Như vậy căn cứ vào trường hợp này, cho thấy tiềm năng sáng tạo thấp chưa hẳn kết quả học tập chỉ đạt ở mức thấp. Phải chăng tiềm năng được phát huy phụ thuộc vào cơ hội, điều kiện học tập có phù hợp hay không? Kết quả học tập còn chi phối bởi nhiều yếu tố tâm lý khác ngoài sáng tạo của cá nhân.

3.2. Ngành học, năm đào tạo, giới tính, nơi sống và mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên

3.2.1. Ngành học (khoa) và mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên

Số liệu bảng 2 cho thấy, có sự khác biệt rất có ý nghĩa thống kê về mức độ tiềm năng sáng tạo giữa sinh viên 3 khoa ($P<0,05$). Tuy nhiên, so sánh giữa khoa này với khoa khác thì sự khác biệt không tương đồng. Cụ thể là: có sự khác biệt rất có ý nghĩa thống kê về mức độ tiềm năng sáng tạo giữa sinh viên khoa Nông học và khoa Thú y, nhưng lại không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê so với khoa Tài nguyên - Môi trường. Nhìn một cách toàn diện khoa Nông học có số sinh viên đạt điểm CQ ở mức độ trên trung bình nhiều hơn khoa Thú y và Tài nguyên - môi trường, đồng thời số sinh viên đạt ở mức dưới trung bình ở khoa này ít 2 khoa còn lại. Thực tế, sinh viên khoa nông học, đặc biệt là ngành Công nghệ sinh học có sự tuyển chọn ngay từ điểm thi đầu vào (ngành yêu cầu điểm đầu vào cao nhất trong tất cả các ngành đào tạo của trường), sinh viên theo học lớp này đều là học sinh có học lực khá giỏi ở phổ thông. Hơn nữa vào học trong môi trường học tập có sự ghanh đua cũng tạo áp lực lớn cho các em trong học tập nên tinh thần, thái độ học tập của các em cũng có phần nghiêm túc và tích cực hơn các ngành khác? Tuy nhiên, sự khác biệt về tiềm năng sáng tạo thể hiện chưa rõ ràng và cũng không có một sinh viên nào bộc lộ ở mức độ cao khi thực hiện trắc nghiệm sáng tạo này. Có thể do các em chưa hiểu cặn kẽ cách làm bài trắc nghiệm, hoặc các em chưa được làm quen hay chưa có kinh nghiệm làm các dạng bài test như thế nên có thể chưa phản ánh tuyệt đối chính xác tiềm năng sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.

Bảng 2 còn cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa tiềm năng sáng tạo của sinh viên hai Khoa Tài nguyên - Môi trường và Thú y. Kết quả này phản ánh qua điểm số CQ đạt được ở mức dưới trung bình và mức trung bình. Khoa Tài nguyên- Môi trường có số sinh viên có điểm CQ ở mức dưới trung bình ít hơn so với Khoa Thú y với tỷ lệ % tương ứng là 18,1 và 36,8. Đồng thời tỷ lệ sinh viên có điểm CQ ở mức trung bình của Khoa Tài nguyên - Môi trường tăng lên so với Khoa Thú y với tỷ lệ % tương ứng là 79,2 và 60,6.

Bảng 2. Phân loại điểm CQ (điểm chuẩn) biểu thị mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên theo Khoa

Khoa	Mức độ (%)					Mức độ khác biệt
	Cao	Trên TB	Trung bình	Dưới TB	Thấp	
Nông học	0	7,8	76,5	15,7	0	
Thú y	0	2,6	60	36,8	0	0,00
Tài nguyên - Môi trường	0	2,0	79,2	18,1	0,7	
Nông học	0	7,8	76,5	15,7	0	
Thú y	0	2,6	60,6	36,8	0	0,00
Nông học	0	7,8	76,5	15,7	0	
Tài nguyên - Môi trường	0	2.,	79,2	18,1	0,7	0,87
Thú y	0	2,6	60,6	36,8	0	
Tài nguyên - Môi trường	0	2,0	79,2	18,1	0,7	0,03

Bảng 3. Phân loại điểm CQ (điểm chuẩn) biểu thị mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên theo từng khóa

Khóa (năm)	Mức độ (%)					Mức độ khác biệt
	Cao	Trên TB	Trung bình	Dưới TB	Thấp	
Năm thứ 1	0	1,4	66,4	31,5	0,7	
Năm thứ 2	0	6,0	74,4	19,6	0	0,04
Năm thứ 3	0	4,8	74,0	21,2	0	
Năm thứ 1	0	1,4	66,4	31,5	0,7	
Năm thứ 2	0	6,0	74,4	19,6	0	0,02
Năm thứ 1	0	1,4	66,4	31,5	0,7	
Năm thứ 3	0	4,8	74,0	21,2	0	0,09
Năm thứ 2	0	6,0	74,4	19,6	0	
Năm thứ 3	0	4,8	74,0	21,2	0	0,06

Điểm CQ (điểm chuẩn) trung bình của ba Khoa Nông học, Thú y và Tài nguyên - Môi trường lần lượt là 98 - 93 và 96. Như vậy Khoa Nông học có điểm CQ trung bình cao nhất và Khoa Thú y có điểm CQ trung bình thấp nhất. Song điểm CQ trung bình của sinh viên cả ba Khoa mới chỉ dừng lại ở mức trung bình theo bảng phân loại giá trị CQ theo điểm chuẩn.

3.2.2. Năm học và tiềm năng sáng tạo của sinh viên

Sinh viên 3 khóa được tham gia trắc nghiệm vào thời điểm tiến hành nghiên cứu tương ứng với các năm học như sau: khóa 50 (năm thứ 3), khóa 51 (năm thứ 2) và khóa 52 (năm thứ 1). Kết quả phân loại điểm CQ biểu thị mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên từng khóa (Bảng 3).

Có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0,05$) về điểm CQ biểu thị tiềm năng sáng tạo của sinh viên giữa các khóa (Bảng 3). Dù năm thứ nhất hay năm thứ 3 thì kết quả điểm số CQ ở mức cao đều không có sinh viên nào, tỷ lệ ở mức thấp không hoặc hầu như không có. Song điểm CQ ở mức dưới trung bình lại tập trung nhiều ở sinh viên năm thứ nhất. Cũng qua bảng số liệu cho thấy, sự khác biệt giữa năm thứ nhất và năm thứ 2 thể hiện rõ ràng hơn, năm thứ nhất và năm thứ 3. Giữ năm thứ hai và năm thứ 3 lại không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê.

Kết quả phản ánh sự khác biệt trên cho thấy có thể do sinh viên năm thứ nhất chưa có nhiều kinh nghiệm trong học tập nói chung, chưa tìm ra cách giải quyết nhiệm vụ bằng phương pháp tư duy tốt nhất, vì thế kết quả làm trắc nghiệm rất có thể chưa phát huy hết tiềm năng vốn có của các em. Thời gian học tập cùng với quá trình nhìn nhận đánh giá, bồi dưỡng, nâng cao các phẩm chất tâm lý của các em cũng thể hiện ngày một rõ nét hơn, đặc biệt từ năm thứ nhất đến năm thứ hai. Khi cuộc sống sinh hoạt, học tập đi vào nề nếp, các em bước đầu có khả năng thích ứng với môi trường học tập đại học thì các chức năng tâm lý cũng đi vào ổn định nên giữa năm thứ hai và năm thứ ba không thể hiện sự khác biệt rõ ràng về điểm CQ cũng là điều dễ hiểu.

Bảng 4. Phân loại điểm CQ (điểm chuẩn) biểu thị mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên theo giới tính

Khoa	Giới	Mức độ (%)					Mức độ khác biệt
		Cao	Trên TB	Trung bình	Dưới TB	Thấp	
Tổng 460 sinh viên	Nam	0	3,8	73,4	22,8	0	0,07
	Nữ	0	4,3	71,2	24,1	0,3	
Nông học 155 sinh viên	Nam	0	7,5	75,5	17,0	0	0,052
	Nữ	0	8,1	77,8	14,1	0	
Thú y 156 sinh viên	Nam	0	1,9	66,7	31,5	0	0,09
	Nữ	0	3,0	57,4	39,6	0	
Tài nguyên - Môi trường 149 sinh viên	Nam	0	2,0	79,6	18,4	0	0,06
	Nữ	0	2,0	78,8	18,2	1,0	

Bảng 5. Phân loại điểm CQ (điểm chuẩn) biểu thị mức độ tiềm năng sáng tạo của sinh viên thành thị và nông thôn

Nơi ở	Mức độ (%)					Mức độ khác biệt
	Cao	Trên TB	Trung bình	Dưới TB	Thấp	
Nông thôn	0	4,3	69,7	18,0	0	0,02
Thành thị	0	3,9	77,3	18,0	0,8	

3.2.3. Giới tính và tiềm năng sáng tạo của sinh viên

Trong các sinh viên thuộc diện điều tra, có sự chênh lệch về tỷ lệ % theo giới tính. Cụ thể là số sinh viên nam chiếm tỷ lệ 34,6% và 65,4% là nữ sinh viên. Tuy nhiên, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (P> 0,05) về mức độ tiềm năng sáng tạo giữa nam và nữ sinh viên trong toàn mẫu cũng như so sánh giới tính của từng khoa (Bảng 4). Tỷ lệ chênh lệch về điểm số CQ ở từng mức chênh lệch nhau không đáng kể, phần lớn cả nam và nữ đều mới chỉ đạt ở mức trung bình, số nam nữ đạt ở mức trên trung bình không đáng kể. Như vậy, bước đầu có thể nhận xét rằng nam nữ sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội có tiềm năng sáng tạo ngang nhau.

3.2.4. Nơi sống và tiềm năng sáng tạo của sinh viên

Điều kiện nơi sinh sống, môi trường học tập, kinh tế gia đình, trình độ học vấn của cha mẹ cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến sự phát triển tâm lý của con em mình.

Kết quả cho thấy, có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê đối với kết quả CQ giữa sinh viên xuất thân từ nông thôn và sinh viên sinh ra và lớn lên ở thành thị (Bảng 5). Tuy nhiên, do chênh lệch về nơi sống của khách thể nghiên cứu (28,4% sống ở thành thị và 71,6% sống ở các vùng nông thôn) trước khi vào Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội nên sự khác biệt chưa thể hiện rõ ràng qua thống kê tỷ lệ % mức độ tiềm năng sáng tạo qua điểm chuẩn CQ.

4. KẾT LUẬN

Tiềm năng sáng tạo của sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội được đo bằng trắc nghiệm sáng tạo của K.J Schoppe cho thấy, phần lớn sinh viên trong diện điều tra đạt chỉ số CQ ở mức trung bình, mức trên trung bình chiếm tỷ lệ % không đáng kể. Số sinh viên có chỉ số CQ ở mức dưới trung bình chiếm hơn 1/5. Mặc dù không có sinh viên có chỉ số CQ ở mức độ cao song cũng chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ xếp ở mức thấp. Điều này cho phép nhận định sinh viên trường ĐHNN Hà Nội có tiềm năng sáng tạo song ở mức độ chưa cao. Có sự khác biệt về chỉ số CQ giữa các ngành, các năm và nơi sống của nghiệm thể. Tuy nhiên, ở giới tính không có sự khác biệt về chỉ số CQ. Các yếu tố chi phối tiềm năng sáng tạo của sinh viên, kết quả đo tiềm năng sáng tạo có tương quan gì với kết quả học tập,... sẽ được đề cập ở bài viết khác.

Để khơi dậy và phát huy tiềm năng sáng tạo của sinh viên trong học tập không thể không đề cập đến vai trò của giảng viên. Các phương pháp dạy học tích cực được sử dụng phù hợp với đặc điểm tâm lý của người học, nội dung bài dạy sẽ kích thích sinh viên học tập một cách sáng tạo. Hơn nữa, xác định động cơ học tập và mục tiêu phấn đấu, nhu cầu tự khẳng định của bản thân sinh viên sẽ là yếu tố chủ quan cơ bản chi phối không nhỏ đến sáng tạo của họ trong cuộc sống nói chung, trong học tập nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Trần Kiều và cs. (2005). Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài: Nghiên cứu phát triển trí tuệ (chỉ số IQ, EQ, CQ) của học sinh, sinh viên và lao động trẻ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mã số KX-05-06 (chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước), tr.75-77.

Nguyễn Huy Tú (2006). Hiện trạng mức độ sáng tạo của sinh viên sư phạm. Báo cáo tổng kết đề tài cấp bộ, mã số B2005-75-123, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tr. 16.